

# TƯ TƯỞNG

CƠ QUAN LUẬN THUYẾT CỦA VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

THÍCH MINH CHÂU

KIM ĐỊNH

VŨ VĂN MẬU

TÔN THẤT THIỆN

BỬU LỊCH

NGUYỄN XUÂN LẠI

NGÔ TRỌNG ANH

PHẠM CÔNG THIỆN

3

Số đặc biệt về Xã Hội Học và Chính Trị Học

1969

## LỜI ĐÚC KẾT

Hơn một trăm năm nay, nhân dân Việt Nam, nhất là giới trí thức, không lúc nào là không đặt vấn đề tân tiến hoá xứ sở với mục đích xoá bỏ những trang lịch sử nhục nhã, những trang sử thời bị đô hộ, chèn ép, bóc lột vì quốc gia Việt Nam lạc hậu, yếu hèn, không đủ sức cưỡng lại ngoại bang. Trong tình cảnh mất chủ quyền, nền giáo dục của ta cũng do ngoại bang điều khiển lái theo chiều hướng họ muốn. Tư tưởng của ta bị Âu Mỹ hóa dần dần. Nền giáo dục và tư tưởng (mới) đó đã đưa đến tình trạng phần đông giới trí thức Việt Nam xác Việt mà hồn Tây (hay Mỹ), tư tưởng như Tây, cư xử như Tây. Nếu Việt Nam ngày nay không mất hẳn tính chất Việt, một phần lớn là nhờ dân chúng gặp cái rủi, mà nay thành cái may, là bị bỏ quên nên không được, hay bị Tây hóa, và một phần nhỏ nhờ có một số nhỏ trí thức, tuy buộc phải theo phong trào



Tây hóa, nhưng vẫn thắc mắc về giá trị của nền giáo dục Âu Mỹ, và không chịu bỏ hẳn những giá trị Đông phương. Nhờ đó mà Việt Nam không hoàn toàn mất gốc, và những tư tưởng Đông phương được duy trì.

Ngày nay, sự khủng hoảng của xã hội Tây phương, phát sinh từ sự khủng hoảng trầm trọng của tư tưởng của họ, buộc ta đặt lại vấn đề ai phải ai trái, ai hơn ai kém, nhất là trong lúc một số tư tưởng gia Tây phương đang hướng về Đông phương để tìm lối thoát. Nếu ta cứ đi theo vết xe Tây phương, thì một ngày không xa lắm chính chúng ta cũng sẽ lâm vào sự khủng hoảng hiện nay đang làm lung lay nền văn minh của họ. Không có gì phi lý bằng thái độ nhắm mắt theo người như vậy.

Nói đến tân tiến hóa xứ sở tất nói đến xã hội học. Trước năm 1930, vấn đề không được đặt như vậy. Thế hệ trước ta, khi nói đến vấn đề tân tiến hóa Việt Nam, ít nghĩ đến sự tìm hiểu cơ cấu xã hội, nhất là xã hội Việt Nam, và hệ thống tư tưởng làm nền tảng cho xã hội đó. Họ chú trọng đến khoa học, kỹ thuật, nghĩa là ngọn nhiều hơn gốc, vỏ nhiều hơn ruột. Những người đầu tiên đặt vấn đề cơ cấu xã hội là những người sau này ngã hẳn về cộng sản. Họ đặt đúng vấn đề, nhưng rũi thay, họ đi trật hướng, và kết quả là tàn phá, tang tóc, chia rẽ, mà nước ta đã chịu đựng từ ba mươi năm nay: thiên đảng cộng sản (thiên đảng thực sự thay vì thiên đảng lý thuyết) là một thiên đảng máu lửa. Không ai phủ nhận điều đó được. Nguyên do sự kiện đó là họ đã đi trật hướng tư tưởng, hay nói đúng hơn, là họ đã chấp nhận mù quáng một hệ thống tư tưởng



và một phương pháp nghiên cứu, suy luận có thể thích hợp (có thể thôi chớ không hẳn gì chắc) cho xã hội Nga nhưng tai hại cho xã hội Việt Nam.

Nhưng không phải chỉ có những người mù quáng theo tư tưởng và phương pháp nghiên cứu và suy luận cộng sản mới sai lầm. Những người theo tư tưởng và phương pháp nghiên cứu và suy luận Âu Mỹ chống cộng cũng sai lầm nốt. Họ cũng nhắm mắt chấp nhận phương pháp, ngôn ngữ và các đề nghiên cứu của Tây phương. Cho nên ta không lấy làm lạ gì khi thấy những giải pháp họ đưa ra để tân tiến hóa xã hội Việt Nam đã đưa đến thất bại. Nguy hơn nữa, họ đã mở rộng cửa cho sự xâm nhập văn hóa ngoại lai, biến văn hóa Việt Nam thành một nền văn hóa vụ lợi tôn sùng cá nhân, sức mạnh đồng tiền và khí giới.

Như ai cũng biết, xã học ngày nay xuất phát từ Auguste Comte, người đã cố gắng đem khoa học vào xã hội học với mục đích chế ngự xã hội như ta có thể chế ngự sự vật bằng các môn khoa học thiên nhiên. Cho nên danh từ mà Auguste Comte dùng đầu tiên là (Physique Sociale). Ý niệm đứng sau danh từ đó là xã hội là đối tượng cho nghiên cứu khoa học. Từ đó đi thẳng, ta sẽ đến quan điểm coi con người như một sự vật, và các giá trị tinh thần bị gạt bỏ ra ngoài. Đó là hướng đi đã đưa xã hội học, nhất là ở Hoa kỳ, đến sự bế tắc ngày nay.

Ở Việt Nam, Khoa Học Xã Hội là một ngành học rất mới. Vì vậy, trước sự bế tắc của Khoa Học Xã Hội Âu Mỹ, ta cần hết sức dè dặt. Ta cần xét kỹ phương pháp



đã được áp dụng ở Tây phương, mà ta đã được hấp thụ, và từ đó tìm một hướng mới cho Xã Hội Học Việt Nam. Đó là mục đích của những tác giả đã cộng tác trong tập *Tư Tưởng* đặc biệt này. Đây chỉ là bước đầu. Không ai trong chúng tôi dám tự hào rằng mình đã tìm ra hướng mà mọi người phải theo. Nhưng những hướng đưa ra là những hướng có thể được nghiên cứu, mổ xẻ, sửa đổi, và trong công cuộc đó chúng tôi sẽ được dịp học hỏi suy nghĩ thêm, đề rồi, cùng nhau, tất cả những ai tha thiết với sự phục hưng một nền *quốc học* vừa duy trì được cái gì có giá trị trong văn học nước nhà (nghĩa là những gì cha ông ta đã ra công tìm kiếm), vừa thấu hóa được những cái hay của văn học ngoại quốc, để làm căn bản cho sự tân tiến hóa nước nhà.

Căn bản tư tưởng của xã hội Việt Nam là hai hệ thống Ấn độ và Trung Hoa, cũng như tư tưởng Tây phương là sự hòa hợp của hai luồng tư tưởng La tinh và Saxon. Vì vậy mà văn hóa của ta là một nền văn hóa dung hòa ba luồng tư tưởng Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Muốn cải tiến xã hội Việt Nam, ta phải hiểu rõ căn bản Khổng-Lão-Phật. Từ đó, ta sẽ nghiên cứu các phương pháp xã hội học Tây phương, xem ta có thể giữ lại những gì và sửa đổi những gì, để đi tới sự thiết lập một Xã Hội Học độc đáo Việt Nam, thích hợp với Việt Nam về nội dung cũng như hình thức, và có thể giúp một phần đắc lực và việc cải tiến xã hội Việt Nam, trong tinh thần Việt Nam.

Tập *Tư Tưởng* này gồm một số bài tuy đề tài khác nhau, nhưng đều hướng về một điểm; ta có thể xét tư tưởng Đông phương hoặc Tây phương dưới những khía



cạnh mới, làm tiêu fan sự tự ty của người Việt Nam khi so sánh Đông và Tây, và mở một hướng mới cho sự nghiên cứu một số vấn đề liên hệ mật thiết đến sự cải tiến xã hội Việt Nam.

Bài của Giáo Sư Bửu lịch cho ta thấy rõ mối ưu tư của những nhà xã hội học Pháp rất khác những mối ưu tư của người Việt Nam. Những ưu tư đó là ưu tư của một xã hội đang tiến mạnh đến một nền văn minh kỹ nghệ và thành thị, trong sự nhận định rằng nếu không có những biện pháp hợp thời để giải quyết những vấn đề do sự sống chen chúc và máy móc trong những thành thị càng ngày càng lớn thì nước Pháp sẽ đi đến sự bế tắc kinh khủng, và hầu như vô phương chạy chữa của xã hội Hoa kỳ hiện nay (rác, bụi, kẹt xe, cướp bóc, án mạng, thiếu hụt ngân sách, buồn tẻ và trơ trọi). Bài đó cũng nói đến cái nạn mà Giáo Sư Wright Mills gọi là «điều tra để điều tra», chú trọng hình thức hơn là hữu ích, và như Giáo sư Stanislav Andreski đã cáo gắt gao trong *The Uses of Comparative Sociology* (Berkeley, 1965), càng bày ra danh từ có vẻ uyên bác bao nhiêu là tự cho rằng mình khoa học và thông thái bấy nhiêu.

Bài của Giáo sư Nguyễn Xuân Lại có thể coi như một sự chuyển tiếp từ quan điểm Tây Phương qua quan điểm Đông phương. Giáo sư Lại rất dè dặt khi đưa ra một vài ý kiến về phương pháp nghiên cứu làng xã Việt Nam, nhất là trong sự áp dụng phương pháp có thể hiệu nghiệm ở phương Tây đã không những không đem đến kết quả gì, mà trái lại còn tai hại nếu đem áp dụng vào Việt Nam. Nói vậy không phải là nói các tác giả Âu Mỹ đều dở cả. Nhưng trừ Paul Mus, người Pháp, tác giả



quyền Việt Nam: *Sociologie d'une guerre* (Seuil, Paris 1952) và Gerald Hickey, người Mỹ, tác giả quyền *Village in Viet Nam* (Yale, 1964) thì chưa có người Âu Mỹ vào hiểu rõ xã hội Việt Nam và đưa ra một phương pháp hiệu nghiệm cho việc nghiên cứu xã hội Việt Nam.

Với bài của Giáo Sư Kim Định ta bước vào một khung cảnh mới, khung cảnh Việt Nam, với sự định nghĩa danh từ «xã hội». Phân tách danh từ «xã hội» như Giáo Sư Kim Định đã làm có thể là khởi điểm cho một phương pháp hoàn toàn mới, hoàn toàn Việt Nam, và nhất là rất sát với thực tế. Nếu ta thấy trong chữ (xã) hai phần: *thị* (tâm linh) và *thổ* (đất đai), thì xã hội Việt Nam là một sự tập hợp của các làng xã, của tâm linh và điền thổ. Có nhìn như vậy thì ta mới hiểu vấn đề Việt Nam tận gốc của nó. Và muốn nhìn như vậy, ta phải biết chữ Nho, một khi cụ mà người Mỹ, và những người Việt chỉ có văn hóa Âu Mỹ không có. Ta có thể áp dụng phương pháp đó vào sự xét căn bản «quốc gia» Việt Nam. Theo Âu, hoặc Mỹ, nghĩ đến danh từ *state*, *état*, là nghĩ đến các cơ cấu căn bản của nó (lập pháp, hành pháp, tư pháp và các định chế khác). Nhưng trong tư tưởng Việt Nam, «quốc gia» là một danh từ mới. Danh từ xưa là «xã tắc». Cả hai chữ *xã* và *tắc* đều gồm chữ *thị* «tâm linh» và chỉ định nơi thờ tự. Ngay cả danh từ «quốc gia» cũng đầy ý nghĩa: *state*, *état*, của ta gồm hai phần căn bản — *quốc*: nước, và *gia*: nhà, gia đình — khác hẳn quan niệm Âu Mỹ!

Cũng trong tinh thần đó, Giáo Sư Tôn Thất Thiện đặt lại vấn đề dân chủ, đã phá quan điểm cho rằng Khổng giáo là hủ bại, lỗi thời, và sự nhắm mắt theo



Âu Mỹ để tìm một giải pháp chính trị hiệu nghiệm cho Việt Nam mà quên rằng những giải pháp ngoại lai, không bắt nguồn từ tư tưởng Việt Nam, khó mà đem lại kết quả mà dân Việt Nam mong muốn.

Bài của Giáo Sư Vũ Văn Mẫu có một tầm quan trọng đặt biệt cho những nhà xã hội học Phật tử nói riêng, và tất cả những nhà xã hội học Việt Nam nói chung. Nó đặt vấn đề: tinh thần Phật giáo có phù hợp với tinh thần khoa học xã hội hay không, và tinh thần Phật giáo có thể làm căn bản cho một chính sách xây dựng một xã hội lành mạnh hay không? Giáo Sư Mẫu trả lời là có, và những lý do Giáo Sư đưa ra để chứng minh đều đó có thể mở đường cho một chương trình nghiên cứu sưu tầm rộng lớn cho những người thiết tha với nền quốc học.

Bài của Giáo Sư Ngô Trọng Anh đi sâu một bước nữa vào lãnh vực tư tưởng Phật giáo trong sự liên quan của nó với Xã Hội Học, nhất là trong tư tưởng Hoa Nghiêm. Theo tư tưởng này thì «Cá nhân thế nào thì xã hội thế ấy, và ngược lại». Đây cũng là quan điểm của Xã Hội Học ngày nay, một Xã Hội Học đã đi xa quan điểm của Auguste Comte (nhấn mạnh ảnh hưởng của xã hội đối với cá nhân). Tuy nhiên khác với xã hội học theo Hoa nghiêm thì cá nhân phải tự chuyển tánh chứ không phải trông nhờ vào xã hội, một phản ảnh của chính mình.

Tiếp theo, Thượng Tọa Thích Minh Châu nhấn nhở ta rằng Đức Thích Ca tuy đề ý chính trị, nhưng phân





biệt rõ thái độ chính trị của những người tu hành và của cư sĩ hay dân thường.

Cuối cùng, Phạm Công Thiện cảnh cáo ta nên tránh đem khủng hoảng tư tưởng Tây phương vào Đông phương, nhất là qua danh từ. Tác giả phân tách danh từ «sociologie», và nêu hậu quả của sự dùng danh từ đó: hậu quả đó là sự thất bại của Xã Hội Học Âu Mỹ. Danh từ «sociologie» gồm hai phần: *logos* (lý sự) và *socius* (hữu thể). Sự thất bại do ở đó mà ra. So sánh sự phân tách này với sự phân tách của Giáo Sư Kim Định (*xã hội*: sự tập hợp của làng xã trên căn bản tâm linh và điền thổ) ta thấy sự khác biệt rất xa và rất quan trọng. Và sự khác biệt đó là đều làm cho những người chú trọng đến vấn đề về nguồn và tái lập quốc học cần suy nghĩ nhiều.

Đặt vấn đề tâm linh không những là đặt vấn đề căn bản tư tưởng Đông phương. Riêng về Khoa Học Xã Hội, đặt vấn đề đó là đi vào sự tranh luận rất gắt gao giữa chính những nhà xã hội học Tây phương ngày nay. Khoa Học Xã Hội đó có hai xu hướng chính: 1) khoa học là khoa học và phải gạt bỏ tất cả những vấn đề giá trị, những gì vô thể ra ngoài, và 2) Khoa Học Xã Hội liên hệ mật thiết đến con người, và nói đến con người là nói đến giá trị (vì con người không phải là một sự vật), cho nên Khoa Học Xã Hội không thể gạt bỏ giá trị hay những gì liên hệ đến tâm linh ra ngoài được. Quan điểm đầu là quan điểm thịnh hành ở Hoa kỳ, và quan điểm thứ hai là quan điểm phần đông học giả Âu châu, nhất là ở Anh quốc và Thụy Điển. Quan điểm Mỹ được trình bày rất rõ trong *Essays in Sociological Explanation*.



của Neil J. Smelser (Prentice Hall, New Jersey, 1968) và quan điểm Âu được trình bày trong quyển *Social Science and Social Purpose* của T.S.Simey (Constable, London, 1968). Chúng ta phải tự kiểm riêng một đường nào đem lại cho xã hội Việt Nam một cuộc sống tâm linh lẫn vật chất, đoàn thể lẫn cá nhân. Nhưng con đường đó phải là một con đường đưa ta đến một tư tưởng độc đáo Việt Nam. Đó là con đường mà chúng tôi đang cùng tìm kiếm với nhau, và với những ai đồng chí với chúng tôi, qua tạp chí *Tư Tưởng*.

Một điểm nữa cần được nêu lên là vấn đề phổ biến tư tưởng Việt Nam ra ngoại quốc. Như Giáo Sư Lê Văn Siêu nhấn mạnh trong *Việt Nam Văn Minh Sử Cương* (Lá Bối, Saigon 1964), thế giới chỉ biết văn minh Việt Nam qua những tác phẩm của tác giả Tây phương, cho nên quan niệm — và chính sách — của họ về Việt Nam rất sai lạc. Nhưng muốn thay đổi tình trạng này, ta cần không những nghiên cứu sáng tác, mà còn cần trình bày tư tưởng của ta qua những tác phẩm bằng ngoại ngữ có giá trị, được phổ biến khắp nơi trên thế giới. Nếu không thực hiện được việc đó, ở ngoại quốc người ta vẫn sẽ đinh ninh rằng Việt Nam chỉ là một nước «mọi rợ» trước kia nhờ Pháp, và nay nhờ Mỹ, mà được «khai hóa» một phần nào. Đó là một trách nhiệm nặng nề, đòi hỏi ở học giả Việt Nam một lòng yêu nước nồng nhiệt rất nhiều khả năng và công tâm.

TÔN THẮT THIÊN

